| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN D**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2025
V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Ông Trần Văn Yên

***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Trần Đạt Thông
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Minh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện D và điểm cầu thành phần là phòng trực tuyến của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 202/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp số A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

*Bị đơn*: Anh Hứa Út N, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:*

Vào năm 2023, chị và anh Hứa Út N do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2023. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp số A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Hứa Minh N, sinh ngày 01/03/2024. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, anh Hứa Út N không quan tâm, chăm sóc gia đình. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Út N.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Hứa Minh N, sinh ngày 01/03/2024. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con, vì con đang sống chung với chị.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Hứa Út N trình bày:* Về hôn nhân anh Nhỏ đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thanh T, về tài sảnh chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con chung yêu cầu được quyền nuôi con, không đồng ý để chị T nuôi con chung tên Hứa Minh N, sinh ngày 01/03/2024. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu giải quyết về hôn nhân, và quyền nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án chị không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn anh Hứa Út N đồng ý ly hôn với chị T, nhưng về con chung anh yêu cầu giành lại quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

**Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T về hôn nhân, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung.

- *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T khởi kiện anh Hứa Út N yêu cầu được ly hôn, về con chung 01 con chung tên Hứa Minh N, sinh ngày 01/03/2024. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con, vì con đang sống chung với chị, chị không yêu cầu anh Út N cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung, tài sản chung không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh Hứa Út N đồng ý ly hôn với chị, về tài sản chung và nợ chung anh chị không có tranh chấp, nhưng về con chung anh Út N yêu cầu được giành quyền nuôi con.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Hứa Út N có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

**[2]** Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật.

**[3]** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T:

**[3.1]** Về hôn nhân: Chị T và anh Hứa Út N xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2023. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh Hứa Út N đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh Út N là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh Nhỏ thiếu sự quan tâm, chăm lo cho gia đình.

Trong biên bản ghi lời khai, các tài liệu đã gửi đến Tòa án và tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải anh Út N và chị T đều trình bày, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau khi kết hôn, nên chị T bỏ về nhà của chị tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để sinh sống cùng với con, từ đó tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, Tòa án đã phân tích cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Út N và chị T là trầm trọng, vợ chồng nay đã sống ly thân, hôn nhân tồn tại giữa anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3.2]** Về con chung: Chị T và anh Út N có 01 con chung tên Hứa Minh N, sinh ngày 01/03/2024 hiện đang sống chung với chị T, nay chị T và anh Út N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu N hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hơn nữa, hiện nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T đủ điều kiện để nuôi con, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

**[3.3]** Về cấp dưỡng nuôi con**:** Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

**[3.4]** Về tài sản và nợ chung**:** Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

**[4]** Về án phí**:** Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

**[5]** Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

*1. Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Hứa Út N.

*2. Về con chung*: Chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con tên Hứa Minh N, sinh ngày 01/03/2024.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

*3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung*: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

*4. Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0014624 ngày 12 tháng 03 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thu.

*5. Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Yên**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.